

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT THÀNH CÔNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỔI MỚI KINH TẾ VÀ ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ - ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT NHẪM BẢO ĐẢM CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

DƯƠNG XUÂN NGỌC^()*

Tổng kết chặng đường 10 năm đổi mới (1986-1996), Đại hội VIII của Đảng đã khẳng định bài học: Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị: “Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có sự đổi mới khác. Song, Đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân, tạo điều kiện để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội” (1, tr.71).

Tại Đại hội X (2006), trên cơ sở tổng kết 20 năm đổi mới, Đảng ta đã khẳng định: “đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Đổi mới tất cả các mặt của đời sống xã hội nhưng

phải có trọng tâm, trọng điểm, có những bước đi thích hợp; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội” (2, tr.70-71).

Vậy là, nhất quán với quan điểm đổi mới toàn diện, đồng bộ, song có trọng tâm, trọng điểm, có bước đi thích hợp, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội là điều kiện, nội dung của sự nghiệp đổi mới, trong đó, đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị, giải quyết thành công quan hệ giữa đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị về thực chất là quan hệ giữa đổi mới cơ sở hạ tầng và đổi mới kiến trúc thượng tầng. Trong đó, cơ sở hạ tầng (kinh tế thị trường – KTTT, định hướng XHCN) đóng vai trò quyết định đối với đổi mới kiến trúc thượng tầng (chính trị XHCN). Tuy nhiên kiến trúc thượng tầng có tác động

^(*) GS., TS., Phó Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

trở lại tới cơ sở hạ tầng thông qua các chức năng xã hội của kiến trúc thượng tầng. Sự tác động này có thể theo hướng thúc đẩy hoặc kìm hãm KTTT định hướng XHCN phát triển. Đây là vấn đề khó, phức tạp và vô cùng trừu tượng. Bởi thế, để nhận thức được bản chất, nội dung của mối quan hệ này, cần thiết phải nhận thức được những dạng thức biểu hiện khác nhau (các hình thức biểu hiện) của mối quan hệ này (tìm hiểu bản chất mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị thông qua các mối quan hệ thứ cấp). Thông qua việc đánh giá đúng thực chất, nội dung, xu hướng vận động và định hướng giải pháp giải quyết của các mối quan hệ thứ cấp mà nhận thức bản chất, nội dung của mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

Trên cơ sở nghiên cứu (cả thông qua những tọa đàm khoa học), trong nội dung bài viết này tác giả trình bày và phân tích một số mối quan hệ thứ cấp cơ bản biểu hiện (phản ánh) mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị - những mối quan hệ cơ bản nhất, phản ánh tập trung mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở nước ta.

1. Mối quan hệ giữa xây dựng và hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN với xây dựng và hoàn thiện thể chế chính trị XHCN

Khái niệm "đổi mới kinh tế" được hiểu là quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, căn bản dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam theo định hướng XHCN (KTTT định hướng XHCN). Đó là bước chuyển từ nền kinh tế chủ yếu là khép

kin sang nền kinh tế "mở" đối với khu vực và thế giới, kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và từng bước đẩy mạnh CNH, HĐH. Khái niệm "đổi mới chính trị" được hiểu là đổi mới tư duy chính trị về CNXH, đổi mới cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị để xây dựng chế độ XHCN ngày càng vững mạnh, thực hiện tốt nền dân chủ XHCN nhằm phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và phát triển kinh tế - xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay là quan hệ tương hỗ, đổi mới kinh tế để tạo cơ sở nền tảng cho ổn định chính trị, giữ vững định hướng XHCN; đổi mới chính trị để tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Quan hệ cơ bản nhất phản ánh tập trung nhất mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị là quan hệ giữa đổi mới thể chế KTTT định hướng XHCN và đổi mới thể chế chính trị XHCN, diễn đạt đúng hơn là *mối quan hệ giữa xây dựng và hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN với xây dựng và hoàn thiện thể chế chính trị XHCN*.

Thực chất của mối quan hệ này là quan hệ giữa nền (chế độ) kinh tế với nền (chế độ) chính trị nhằm tạo lập một thể chế kinh tế - chính trị cho sự phát triển kinh tế, bảo đảm mở rộng và phát huy dân chủ, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Trên tinh thần đó, thể chế chính trị phải được tổ chức và vận hành theo cơ chế KTTT, song thể chế chính trị có vai trò định hướng chính trị, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế. Mặt khác, thể chế chính trị

phải có khả năng vượt trước các quan hệ kinh tế, tạo khuôn khổ chính trị thông thoáng cho các quan hệ kinh tế phát triển và luôn giành thế chủ động trong vai trò tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế, bảo đảm định hướng XHCN của nền KTTT. Để phù hợp với KTTT, thể chế chính trị phải được tổ chức và hoạt động gắn bó với thị trường, không đứng trên kinh tế như trong cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung- bao cấp trước đây. Tuân thủ theo cơ chế thị trường cũng đòi hỏi phải sắp xếp lại nhiệm vụ, chức năng của các chủ thể của thể chế chính trị, nhất là thể chế nhà nước. Sự phát triển mạnh mẽ, năng động của KTTT đòi hỏi thể chế chính trị phải thường xuyên đổi mới, hoàn thiện, bảo đảm thể chế chính trị không những luôn luôn phù hợp với các bước phát triển của kinh tế, mà còn phải luôn ở thế chủ động trong các quan hệ kinh tế, thật sự có khả năng lãnh đạo kinh tế phát triển theo đúng định hướng XHCN. Do vậy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực điều hành của Nhà nước trong kinh tế là điều kiện tiên quyết để thể chế chính trị đóng vai trò là nhân tố tác động tích cực đến kinh tế.

Với tư cách là nhân tố suy đến cùng quyết định, thể chế KTTT định hướng XHCN ngày càng được hoàn thiện phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của KTTT nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng XHCN, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc sẽ là bảo đảm cho việc hoàn thiện thể chế chính trị dân chủ XHCN; đồng thời cũng là điều kiện cho việc hiện thực hóa những định hướng chính trị cho xã hội, trong đó có định hướng phát triển

kinh tế. Trên cơ sở thể chế KTTT định hướng XHCN và thể chế chính trị dân chủ XHCN ngày càng hoàn thiện, một thể chế kinh tế- chính trị mới ra đời tạo điều kiện cho kinh tế phát triển, dân chủ được mở rộng và phát huy, xã hội ngày càng tiến bộ, văn minh.

2. Quan hệ giữa phát triển KTTT và bảo đảm định hướng chính trị XHCN

Đây là mối quan hệ thứ cấp, phản ánh trực tiếp quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam. Thực chất của mối quan hệ này là quan hệ giữa giải phóng các nguồn lực cho phát triển, trước hết là phát triển kinh tế với việc bảo đảm định hướng XHCN.

Lịch sử cho thấy, quá trình phát triển KTTT dưới hình thái TBCN với nhiều vấn nạn về mặt xã hội và môi trường, đã từng bị phê phán gay gắt, nhưng vẫn tồn tại và phát triển lên trình độ kinh tế tri thức và toàn cầu hoá. Nhờ tính thích nghi tự phát với yêu cầu lực lượng sản xuất xã hội, nên ngày nay, CNTB đã tạo ra bước tiến nhảy vọt của KTTT. Đó là bước chuyển từ kinh tế công nghiệp lên kinh tế tri thức.

Thực tế chỉ rõ, phát triển nền KTTT định hướng XHCN có tác động mạnh mẽ đến việc giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. KTTT định hướng XHCN sẽ tạo ra cơ sở kinh tế - xã hội thuận lợi để phát triển đời sống chính trị đất nước. Phát triển KTTT định hướng XHCN cũng có nghĩa là mở rộng hợp tác quốc tế trước hết về lĩnh vực kinh tế, sau đó là các lĩnh vực văn hóa, khoa học, kỹ thuật... Điều này đòi hỏi chính trị cũng phải được đổi mới theo hướng hậu thuẫn cho chủ động mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế và chủ động xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, cũng như giữ vững độc lập dân tộc. Rõ ràng, phát triển KTTT định hướng

XHCN có tác động to lớn tới quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở nước ta hiện nay.

3. Quan hệ giữa phát triển KTTT định hướng XHCN với mở rộng và phát huy dân chủ

Có thể nói, mối quan hệ giữa phát triển KTTT định hướng XHCN với xây dựng và phát triển nền dân chủ là *nội dung cơ bản* của đổi mới kinh tế gắn với đổi mới chính trị ở Việt Nam. *Thực chất của mối quan hệ này là quan hệ giữa điều kiện, môi trường kinh tế với tự do cá nhân theo pháp luật, phù hợp với trình độ của phát triển kinh tế.*

Xét trên tổng thể, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo bắt đầu từ đổi mới tư duy về chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có sự đổi mới trên các lĩnh vực khác một cách toàn diện. Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ XHCN, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Bài học lớn nhất là dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỷ cương, kỷ luật. Về kinh tế, chúng ta vận dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý nên KTTT là để sử dụng mặt tích cực của nó phục vụ cho mục đích xây dựng CNXH chứ không đi theo con đường TBCN.

Những kinh nghiệm quý báu đó được bắt nguồn từ nhận thức lý luận và tổng kết thực tiễn công cuộc đổi mới ở nước ta và xem xét quá trình cải cách, cải tổ đã và đang được tiến hành tại nhiều nước XHCN. Điều cốt yếu là Đảng ta đã xác định đúng vị trí và tầm quan trọng của vấn đề đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Marx-Lenin về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng

tầng, thực hiện quy trình theo những nguyên tắc nhất quán đảm bảo cho công cuộc đổi mới đi theo đúng hướng.

Đẩy mạnh CNH, HĐH, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần không thể tách rời việc xây dựng đồng bộ, vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới. Xây dựng nền dân chủ XHCN là một nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Phải có cơ chế và cách làm cụ thể để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt cơ chế làm chủ của nhân dân: làm chủ thông qua đại diện, làm chủ trực tiếp cùng các hình thức tự quản tại cơ sở.

- *KTTT định hướng XHCN phát triển trong môi trường dân chủ XHCN* sẽ tạo điều kiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình trên lĩnh vực kinh tế.

- KTTT với khả năng mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế đã làm cho hệ thống pháp luật quốc tế và chuẩn quốc tế được thừa nhận, trong đó bao hàm pháp luật về quyền tự do của con người như là tiền đề cho dân chủ. Điều này tạo nên cơ sở của mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam.

- Từ quyền tự do hoạt động kinh tế, sản xuất kinh doanh, mỗi công dân có thể trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào đời sống chính trị, tham gia vào hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của mình, cũng như của toàn xã hội.

- KTTT tạo ra khả năng giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất của xã hội, từ đó phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mọi cá nhân trong xã hội,

kích thích việc tìm kiếm, xây dựng một môi trường xã hội lành mạnh, dân chủ hoá, phát huy được những năng lực phẩm chất nổi trội của mỗi con người.

- KTTT tạo điều kiện thuận lợi để trao đổi, tiếp nhận thông tin từ nhiều chiều. Đây là điều kiện để mở rộng quyền tự do về tư tưởng, tiếp nhận những giá trị văn hoá, thành tựu khoa học tiên tiến, góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế, cải biến xã hội.

- KTTT mở ra cơ hội to lớn cho mỗi cá nhân được học tập nâng cao trình độ kiến thức, nhận thức xã hội, ý thức rõ hơn về trách nhiệm của mình trong việc đóng góp sức lực vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Tuy vậy, bên cạnh những tác động tích cực rõ nét đến quá trình xây dựng và phát triển dân chủ XHCN, có một số mặt của KTTT lại có tác động hai chiều vừa thúc đẩy, vừa cản trở việc thực hiện xây dựng và phát triển dân chủ.

- *KTTT đề cao lợi nhuận, hiệu quả kinh tế*. Điều này vừa kích thích tính tích cực của các chủ thể kinh tế, làm giàu cho bản thân, qua đó đóng góp cho xã hội; nhưng mặt khác nó lại dễ dẫn đến xu hướng đề cao lợi ích vật chất, xem nhẹ giá trị tinh thần, tạo ra sự tha hoá về đạo đức, lối sống, vô cảm, thờ ơ, thiếu trách nhiệm đối với những mất mát, nỗi đau của cộng đồng xã hội. Điều này sẽ tác động xấu đến việc lành mạnh hoá các quan hệ xã hội, cản trở sự phát triển toàn diện cá nhân, cản trở dân chủ phát triển.

- *KTTT cũng tạo ra sự bất bình đẳng xã hội*, phân hoá giàu nghèo, phân hoá giai cấp, những mâu thuẫn lợi ích xuất hiện với những tính chất và mức độ khác nhau.

- *KTTT tạo điều kiện cho tự do cá nhân* nhưng khi tự do cá nhân bị đẩy

đến mức thái quá sẽ dẫn đến tự do vô chính phủ, vô tổ chức, vô kỷ luật.

4. Quan hệ giữa phát triển KTTT định hướng XHCN với xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, xây dựng và phát triển xã hội dân sự

Thực chất của mối quan hệ này là quan hệ giữa ba lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội hướng tới một thể chế xã hội dân chủ, phát triển bền vững: thể chế kinh tế- chính trị- xã hội: *KTTT định hướng XHCN, Nhà nước pháp quyền XHCN và xã hội dân sự*.

- Mối quan hệ giữa Nhà nước pháp quyền với phát triển KTTT định hướng phát triển bền vững.

Phát triển bền vững sẽ là *định hướng mới* trong nền KTTT thế giới. Định hướng mới phát sinh từ quá trình tăng trưởng kinh tế đã để lại nhiều vấn nạn xã hội và môi trường, nhằm giải quyết những vấn đề đó trong sự phát triển kiểu mới. Đây là vấn đề trung tâm của cuộc đấu tranh giữa những thế lực theo hướng phát triển cũ vì lợi ích của các tập đoàn, với những lực lượng cải cách vì lợi ích xã hội trên phạm vi thế giới và trong các quốc gia.

Đối với nước ta, vai trò của Nhà nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với định hướng phát triển bền vững nền KTTT đang ở giai đoạn hình thành cấu trúc. Trong đó có những vấn đề chủ yếu sau đây: 1) *Chất lượng quy hoạch* phát triển KTTT trong giai đoạn đô thị hoá và hội nhập quốc tế; 2) *Các dự án đầu tư* kém hiệu quả, nhất là đầu tư vốn nhà nước; 3) Vai trò của Nhà nước đối với phát triển bền vững nền KTTT còn phải chú ý tới xây dựng một *đội ngũ doanh nhân* đủ sức vươn lên quỹ đạo phát triển bền vững; 4) Các lĩnh vực *giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ*

yếu kém đang là cản trở lớn đối với định hướng phát triển bền vững.

Muốn giải quyết tốt các vấn đề chủ yếu nói trên của mối quan hệ giữa Nhà nước với KTTT phải dựa vào xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế chính trị mới có thể đưa ra quyết định nhờ thu hút được trí tuệ tổng hợp từ đội ngũ doanh nhân, từ xã hội và Nhà nước.

- Mối quan hệ giữa xã hội dân sự với KTTT theo hướng bền vững.

Sự hình thành nền văn minh công nghiệp mấy trăm năm qua và đang chuyển lên nền văn minh mới, suy đến cùng là nhờ phát huy ngày càng nhiều *nguồn lực của xã hội và cá nhân*. Quá trình nói trên mang tính chất quy luật chung cho mọi hình thái KTTT. *Điều khác biệt* là hướng quá trình xã hội hoá ấy vào lợi ích của ai, theo định hướng TBCN hay định hướng XHCN. Đặc điểm lớn nhất và cũng là khó khăn lớn nhất của quá trình phát triển định hướng XHCN nền KTTT của nước ta là chất lượng nguồn nhân lực của xã hội trong lao động cũng như trong quản lý còn quá thấp, còn cách xa đòi hỏi của KTTT hiện đại và cạnh tranh trong hội nhập quốc tế. Vì vậy, giải quyết mối quan hệ giữa xã hội dân sự với phát triển KTTT theo hướng bền vững là một nội dung của quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam.

- Mối quan hệ giữa nhà nước pháp quyền với xã hội dân sự.

Xã hội dân sự là tổng thể các quan hệ và các tổ chức xã hội được hình thành và hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự trang trải về kinh phí, trong khuôn khổ pháp lý và đạo lý, phối hợp với nhà nước để kiểm soát và hoàn thiện nhà nước pháp quyền, thúc đẩy phát triển kinh tế, từng bước hoàn thiện và

phát huy vai trò của xã hội dân chủ, nhằm duy trì, bảo đảm sự ổn định, cân bằng và phát triển bền vững của nhà nước và của xã hội, hiện thực hóa quyền lợi của mỗi cá nhân và cộng đồng. Nhà nước pháp quyền chỉ thực sự có được và được thừa nhận trên thực tế một khi có xã hội dân sự. Xã hội dân sự vừa với tính cách là mặt đối lập của nhà nước pháp quyền trong một thể thống nhất của xã hội dân chủ, vừa với tính cách là thể chế bổ sung cho sự hoàn thiện của nhà nước pháp quyền. Bởi vậy, trình độ phát triển của xã hội dân sự phản ánh sự hoàn thiện của nhà nước pháp quyền.

5. Quan hệ giữa phát triển kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Thực chất các mối quan hệ này là quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững; giữa phát triển kinh tế với định hướng chính trị- xã hội của phát triển. Mối quan hệ này được thể hiện trên các phương diện cụ thể sau:

- *Một là*, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là hướng tới sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

Ở Việt Nam, phát triển kinh tế là phát triển nền KTTT theo định hướng XHCN. Bản thân nội hàm khái niệm nền kinh tế này đã bao hàm: tiến bộ xã hội và đảm bảo bền vững về môi trường, "từng bước cải thiện đời sống của nhân dân", "khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo"; "từng bước làm cho mọi thành viên xã hội đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc"; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách"; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế giáo dục, bảo vệ môi trường...

Như vậy có thể nói, nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam là sự phát triển bền vững.

- *Hai là*, quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là mối quan hệ biện chứng giữa phát triển lực lượng sản xuất với hoàn thiện quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng phù hợp.

- *Ba là*, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta là đòi hỏi từ bản chất và lý tưởng về con người phát triển toàn diện của CNXH.

Ở nước ta, thực hiện tốt nền KTTT định hướng XHCN, một mặt là chấp nhận tính khách quan tồn tại của các loại sở hữu và phân phối khác nhau; mặt khác giảm thiểu những yếu tố thuộc mặt trái của KTTT tác hại đến con người trên cơ sở phân phối theo lao động, từng bước cải tiến đời sống người lao động, xóa đói giảm nghèo... Đó là mô hình kinh tế kết hợp được phát triển kinh tế và ổn định chính trị, thực hiện tiến bộ xã hội và mang bản chất XHCN trong điều kiện đặc biệt của thời kỳ quá độ. Cũng chính nền kinh tế này, với nội hàm đầy đủ của nó, có thể đồng thời thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội với việc góp phần vươn tới hình thành những con người mới, có khả năng phát triển toàn diện ngay trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.

6. Quan hệ giữa hội nhập quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN

Trong thời đại ngày nay, toàn cầu hoá đã trở thành một thực tế khách quan, một xu thế chính chi phối sự vận hành của thế giới. Quá trình này, một mặt làm bùng nổ các giao dịch kinh tế cả về số lượng, chất lượng và quy mô; mặt khác, làm gia tăng nhanh chóng

mức độ tùy thuộc lẫn nhau, hình thành các mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị gắn kết các quốc gia, doanh nghiệp và cá nhân. Bên cạnh việc đem lại những lợi ích to lớn từ sự tự do hoá các dòng chảy thương mại, đầu tư, thông tin, tri thức khoa học-công nghệ và di cư quốc tế, toàn cầu hoá cũng làm phát sinh những thách thức mới gay gắt đối với tất cả các nước, thúc đẩy cực diện thế giới thay đổi nhanh chóng, đe dọa xói mòn chủ quyền quốc gia, làm sâu sắc thêm bất bình đẳng xã hội, kích thích bùng phát các lực lượng tiêu cực mang tính xuyên quốc gia như nguy cơ rút vốn ồ ạt, khủng hoảng tài chính thế giới, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên, lan truyền dịch bệnh, khủng bố và tội phạm quốc tế, v.v...

Trong bối cảnh thuận lợi và rủi ro đan xen như vậy, hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ đơn thuần là mở cửa, thu hút các nguồn lực bên ngoài để đẩy mạnh cải cách và phát triển bên trong, mà còn là hình thức hợp tác chủ quyền giữa các quốc gia, thiết lập các khuôn khổ song phương và đa phương nhằm quản trị sự tùy thuộc lẫn nhau, xử lý các thách thức đã vượt ra ngoài tầm kiểm soát và năng lực tự chủ của từng quốc gia riêng lẻ, giữ gìn sự ổn định chung.

Có thể nói, sự nổi lên của quá trình toàn cầu hoá và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đã làm thay đổi sâu sắc môi trường quan hệ kinh tế và chính trị quốc tế vốn dựa trên nền tảng chủ quyền quốc gia. Vấn đề chủ quyền trở thành giao điểm của an ninh và phát triển. Trên thực tế, quá trình hội nhập của mỗi nước vào nền kinh tế toàn cầu hoá cũng chính là quá trình từng bước tái cơ cấu lại chủ quyền quốc gia, điều chỉnh lại kết cấu độc lập, tự chủ nhằm thích ứng với môi trường quốc tế mới.

Lĩnh vực chủ quyền khác nhau của Việt Nam tham gia rất khác nhau vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, nên tác động của quá trình này đối với các lĩnh vực chủ quyền đó là không giống nhau.

Ở nước ta, xây dựng kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối phát triển theo định hướng XHCN; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh; có thể chế KTTT định hướng XHCN; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế.

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ sẽ tạo điều kiện cho hội nhập kinh tế quốc tế thành công. Hội nhập kinh tế quốc tế thành công góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Để có một nền kinh tế độc lập tự chủ, cần đáp ứng được những yêu cầu chủ yếu sau: 1) Cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả và đảm bảo độ an toàn cần thiết; 2) Nền kinh tế phát triển bền vững và có năng lực cạnh tranh cao; 3) Cơ cấu xuất nhập khẩu cơ bản cân đối; cơ cấu mặt hàng đa dạng, phong phú với tỷ lệ các mặt hàng công nghệ và có giá trị gia tăng lớn chiếm ưu thế; cơ cấu thị trường quốc tế đối tác cũng đa dạng và tránh chỉ tập trung quá nhiều vào một vài mục tiêu; 4) Đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong một ngành kinh tế, nhất là những ngành kinh tế quan trọng, chiếm một tỷ lệ không thể chi phối nền kinh tế; hạn chế hoặc không cho phép đầu tư nước ngoài vào những ngành nhạy cảm; 5) Đảm bảo nền tài chính lành mạnh, đặc biệt giữ

cân bằng cần thiết trong cán cân thanh toán và có nguồn dự trữ quốc gia mạnh.

Độc lập, tự chủ về chính trị là yêu cầu có tính nguyên tắc trong quá trình hội nhập quốc tế của nước ta. Theo Lenin, "chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế". Sự chuyển giao quyền lực "kép" từ hội nhập và tự do hoá kinh tế nêu trên có tác động đáng kể đến chủ quyền về chính trị đối nội của Việt Nam: *Thứ nhất*, quyền lực của Nhà nước bị hạn chế, phạm vi và cách thức can thiệp của Nhà nước vào đời sống kinh tế-xã hội phải thu hẹp; *Thứ hai*, giao diện giữa khu vực công quyền và khu vực thị trường trở nên phức tạp các lợi ích công, tư đan xen, chồng chéo, tạo điều kiện cho các hành vi tham nhũng, móc ngoặc, thách thức nghiêm trọng hiệu lực thực thi luật pháp và gây thất thoát quyền lực của Nhà nước; *Thứ ba*, yêu cầu dân chủ hoá xã hội, bao gồm cả dân chủ hoá hoạt động của Đảng và Nhà nước, tăng lên.

Độc lập tự chủ về chính trị có nghĩa là tự mình xác định mục tiêu, con đường phát triển đất nước; tự mình hoạch định đường lối, chủ trương, chiến lược phát triển; tự mình xác lập và duy trì thể chế chính trị, không chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào từ bên ngoài. Độc lập tự chủ về chính trị được thể hiện cả trong đối nội và đối ngoại, cả kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh, quốc phòng... Độc lập, tự chủ về đối ngoại là một vấn đề rất quan trọng. Theo Hồ Chí Minh, độc lập tự chủ trong quan hệ quốc tế và đối ngoại thể hiện trước hết ở tư duy, nhận thức độc lập, sáng tạo, xuất phát từ lợi ích giai cấp và dân tộc, không giáo điều, rập khuôn, máy móc trong hoạch định và thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại, trong xác định bạn, thù và tập hợp lực lượng quốc tế. Người nói: "Thực

lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng". Điều kiện để bảo đảm độc lập, tự chủ về đối ngoại trong bối cảnh đầy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là: chính trị, xã hội ổn định; kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững; quốc phòng vững mạnh; nguồn nhân lực đối ngoại trung thành và chuyên nghiệp; quan hệ cân bằng với các nước lớn.

Tất nhiên bảo vệ tổ quốc, ngày nay, không chỉ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ mà còn cả nội dung bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ nhân dân. Sự nghiệp bảo vệ tổ quốc sẽ tùy thuộc vào trình độ phát triển của nền kinh tế độc lập tự chủ và mức độ hội nhập quốc tế của nước ta.

*

Như vậy, việc giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị sẽ là cơ sở và đồng thời là điều kiện tiên quyết để bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước, sự phát triển bảo đảm đáp ứng được những nhu cầu hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu các thế hệ mai sau.

Trước mắt ở nước ta để giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị hướng tới phát triển bền vững, cần thiết phải giải quyết một số vấn đề sau:

- *Thứ nhất*, cần tạo ra sự thống nhất và sự đồng thuận cao về nhận thức các vấn đề cơ bản: KTTT, Nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự và mối quan hệ giữa chúng với nhau.

Do nhận thức của chúng ta trong thời gian qua chưa sâu sắc nên đã làm giảm hiệu lực và hiệu quả của lãnh đạo Đảng và quản lý nhà nước. Điều đáng chú ý là trong tư duy kinh tế - chính trị

các cấp còn nặng về tăng trưởng số lượng, chạy theo chỉ tiêu, theo thành tích, coi nhẹ vấn đề chất lượng vốn là yêu cầu của định hướng XHCN.

- *Thứ hai*, trên cơ sở đổi mới kinh tế, phải đẩy mạnh đổi mới chính trị tạo nên sự phù hợp giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

- *Thứ ba*, trong đổi mới chính trị cần tập trung đổi mới thể chế theo nghĩa rộng gồm cả về những quy định pháp lý, cả về tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức trong thể chế.

- *Thứ tư*, cần phát huy hơn nữa vai trò của Nhà nước trong nền KTTT định hướng XHCN, với tư cách là "người quản lý nhà nước về kinh tế" và là một "chủ thể kinh tế, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế". Trên thực tế, vai trò "bà đỡ" cho cơ chế KTTT định hướng XHCN của Nhà nước chưa được nhận thức và thực thi một cách nhất quán; phương thức quản lý nhà nước về kinh tế còn nặng về can thiệp hành chính.

- *Thứ năm*, *phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng và phát huy sức mạnh* khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận trong đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- *Thứ sáu*, phát triển mạnh mẽ nền KTTT định hướng XHCN, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. H.: Chính trị quốc gia, 1996.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. H.: Chính trị quốc gia, 2006.